

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

02-03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04-05

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

06-31

Báo cáo tình hình tài chính

06-08

Báo cáo kết quả hoạt động

09-10

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

11-13

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

14

Thuyết minh Báo cáo tài chính

15-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/09/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Võ Trần Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Jia Minghui	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Li Zhiguo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Lê Thúy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2022
Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/12/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Thịnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2022
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2022
Ông Lê Trường Hoài Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2022
Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/09/2022
Bà Dương Thùy Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2022
Bà Đặng Thị Hương Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Lê Thúy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Số: 160223.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 16 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.873.448.523	8.564.162.833
110	I. Tài sản tài chính		73.844.521.928	6.198.514.030
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.424.897.378	3.797.981.838
111.1	1.1 Tiền		3.424.897.378	297.981.838
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	3.500.000.000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4	44.500.000.000	-
117	3. Các khoản phải thu	5	45.349.315	6.832.192
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		45.349.315	6.832.192
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		45.349.315	6.832.192
118	4. Trả trước cho người bán	6	6.874.275.235	-
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	5	-	2.393.700.000
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		28.926.595	2.365.648.803
131	1. Tạm ứng		-	2.310.138.803
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	11.920.595	50.160.000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8	-	5.350.000
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		17.006.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.355.981.617	1.827.787.697
220	I. Tài sản cố định		1.771.025.694	1.470.036.119
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.398.177.113	616.280.530
222	- Nguyên giá		2.466.121.900	1.608.332.000
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.067.944.787)	(992.051.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	372.848.581	853.755.589
228	- Nguyên giá		2.634.460.000	2.634.460.000
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.261.611.419)	(1.780.704.411)
250	II. Tài sản dài hạn khác		1.584.955.923	357.751.578
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	416.410.200	209.964.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	1.168.545.723	147.787.378
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>77.229.430.140</u>	<u>10.391.950.530</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		757.689.238	193.270.779
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		757.689.238	193.270.779
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	576.167.112	-
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	100.000.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	21.353.126	7.125.959
323	4. Phải trả người lao động		2.310.000	60.729.000
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		13.959.000	17.575.820
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	141.000.000	-
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.900.000	7.840.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.471.740.902	10.198.679.751
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	76.471.740.902	10.198.679.751
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		157.500.000.000	90.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		157.500.000.000	90.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.500.000.000	90.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>77.229.430.140</u>	<u>10.391.950.530</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

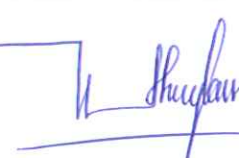
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	16	900.000.000	900.000.000
005	2. Ngoại tệ các loại	16	-	32,21
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		15.750.000	9.000.000


Trần Thị Thúy Lan
Người lập


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Lê Thúy
Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	17.a)	183.185.618	-
07	1.2 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	17.b)	-	40.000.000
08	1.3 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.b)	3.751.875.000	4.449.000.000
11	1.4 Thu nhập hoạt động khác	17.c)	-	147.229
20	Cộng doanh thu hoạt động		3.935.060.618	4.489.147.229
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	292.503.200
29	2.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	100.228.889
40	Cộng chi phí hoạt động		-	392.732.089
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	18		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		11.466.900	-
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		39.410.786	93.803.216
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50.877.686	93.803.216
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	19	4.815.411.826	3.905.635.011
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(829.473.522)	284.583.345

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác	20	60.663.524	11.725.856
72	8.2 Chi phí khác	21	458.128.851	132.028.490
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(397.465.327)	(120.302.634)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(1.226.938.849)	164.280.711
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(1.226.938.849)	164.280.711
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	22	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(1.226.938.849)	164.280.711
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
400	Tổng thu nhập toàn diện		-	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	23	(130)	18

Trần Thị Thúy Lan
Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Thúy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2022**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.226.938.849)	164.280.711
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		815.679.084	657.838.816
03	- Khấu hao tài sản cố định		759.119.910	751.642.032
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		56.559.174	(93.803.216)
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(40.544.608.636)	(1.704.120.342)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(44.500.000.000)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(38.517.123)	(476.028)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.393.700.000	1.237.500.000
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		2.219.404.968	(2.310.138.803)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		141.000.000	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(982.518.940)	(192.202.930)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		576.167.112	(154.103.993)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		(3.616.820)	17.575.820
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		14.227.167	(310.344.084)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(58.419.000)	(132.456.119)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(104.940.000)	7.840.000
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.350.000	362.999.995
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(226.446.000)	(230.314.200)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.955.868.401)	(882.000.815)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(7.971.172.300)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		14.545.455	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		39.410.786	93.803.216
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.917.216.059)	93.803.216
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		67.500.000.000	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		67.500.000.000	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		18.626.915.540	(788.197.599)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.797.981.838	4.586.179.437
101.1	- Tiền		297.981.838	2.086.179.437
101.2	- Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	2.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	22.424.897.378	3.797.981.838
103.1	- Tiền		3.424.897.378	297.981.838
103.2	- Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	3.500.000.000

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
07	1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	400.908.474
08	2. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	(514.010.646)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		-	(113.102.172)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	113.102.172
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-	113.102.172
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	113.102.172
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	-

Trần Thị Thúy Lan
Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Thúy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2021	01/01/2022	Năm 2021		31/12/2021	31/12/2022
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	157.500.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	157.500.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(79.965.600.960)	(79.801.320.249)	164.280.711	-	(79.801.320.249)	(81.028.259.098)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(79.965.600.960)	(79.801.320.249)	164.280.711	-	(79.801.320.249)	(81.028.259.098)
TỔNG CỘNG		10.034.399.040	10.198.679.751	164.280.711	-	10.198.679.751	76.471.740.902

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 15/09/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2022 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2811/2022/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022 thông qua việc thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Công văn số 7868/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 28/11/2022 như sau:

- Số lượng cổ phiếu chào bán là 6.750.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với số vốn điều lệ là 67.500.000.000 đồng;

- Phương thức phân phối: thực hiện quyền theo tỷ lệ 100:75 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 100 quyền mua được mua 75 cổ phiếu mới);

- Đối tượng được phân phối: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phần (là ngày 08/12/2022);

Ngày 09/12/2022, Công ty đã kết thúc đợt chào bán. Căn cứ sao kê tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn tại ngày 09/12/2022, số tiền thu được từ đợt chào bán là 67.500.000.000 đồng. Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0912/2022/NQ-HĐQT ngày 09/12/2022 thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Đến ngày 26/12/2022, Công ty nhận được Công văn số 8532/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty, theo đó Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã thực hiện chào bán theo phương án chào bán nêu tại hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.




Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Lan
Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Thủy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/09/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 157.500.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 157.500.000.000 đồng; tương đương 15.750.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 05 người).

Trong năm 2022, với quy mô và nguồn lực hiện có, Ban lãnh đạo Công ty tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là tư vấn đầu tư chứng khoán đi kèm với các nghiệp vụ liên quan nhằm tối đa hóa nguồn thu từ các khách hàng để đảm bảo duy trì hoạt động của Công ty.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang lỗ lũy kế là 81,03 tỷ đồng, tương ứng 51,45% vốn góp của chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty có phát sinh doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư trong năm nên Công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì hoạt động. Đồng thời, Công ty đã kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn nhằm mở rộng quy mô hoạt động trong các năm tiếp theo. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ để xin cấp phép thực hiện triển khai nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3 . Áp dụng hướng dẫn mới

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm giao dịch	05 - 08 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 07 tháng đến 36 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.14 . Doanh thu, thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	-	2.837.714
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	3.424.897.378	295.144.124
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	3.500.000.000
	22.424.897.378	3.797.981.838

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 6%/năm.

4 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	44.500.000.000	-
	44.500.000.000	-

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 9,5%/năm đến 10%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	45.349.315	6.832.192
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	-	2.393.700.000
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	2.393.700.000
	45.349.315	2.400.532.192

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	4.497.834.000	-
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	1.221.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	750.000.000	-
Công ty TNHH Cloudtech	316.253.400	-
Trả trước cho người bán khác	89.187.835	-
	6.874.275.235	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	8.149.167	660.000
Thuê kho văn phòng	-	22.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.771.428	27.500.000
	<u>11.920.595</u>	<u>50.160.000</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	231.545.065	-
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	937.000.658	147.787.378
	<u>1.168.545.723</u>	<u>147.787.378</u>

8 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê máy photocopy	-	5.000.000
Đặt cọc vỏ nước Lavie	-	350.000
	<u>-</u>	<u>5.350.000</u>

b) Dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	416.410.200	209.964.200
	<u>416.410.200</u>	<u>209.964.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	995.687.000	612.645.000	1.608.332.000
Mua trong kỳ	1.186.084.900	-	1.186.084.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.295.000)	(328.295.000)
Tại ngày 31/12/2022	2.181.771.900	284.350.000	2.466.121.900
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	623.700.636	368.350.834	992.051.470
Khấu hao trong kỳ	192.971.329	85.241.573	278.212.902
Thanh lý, nhượng bán	-	(202.319.585)	(202.319.585)
Tại ngày 31/12/2022	816.671.965	251.272.822	1.067.944.787
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	371.986.364	244.294.166	616.280.530
Tại ngày 31/12/2022	1.365.099.935	33.077.178	1.398.177.113

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022	2.634.460.000
Tại ngày 31/12/2022	2.634.460.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	1.780.704.411
Khấu hao trong kỳ	480.907.008
Tại ngày 31/12/2022	2.261.611.419
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	853.755.589
Tại ngày 31/12/2022	372.848.581

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ Toàn Thắng	170.011.254	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nội thất Toàn Cầu	375.972.126	-
Phải trả các đối tượng khác	30.183.732	-
	576.167.112	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.000.545	-
Thuế Thu nhập cá nhân	18.352.581	7.125.959
	21.353.126	7.125.959

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí quản lý khác	64.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.000.000	-
	141.000.000	-

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.900.000	7.840.000
	2.900.000	7.840.000

15 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2022 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2022 VND
- Ông Nguyễn Kim Hậu	0,00%	-	8,06%	7.250.000.000
- Ông Jia Minghui	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Ông Li Zhiguo	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Ông Wong Tze Lam Peter	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Ông Jiang Min	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Ông Jiang Wen	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Viet Ocean Securities (International)	0,00%	-	44,44%	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	77.175.000.000	0,00%	-
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17,00%	26.775.000.000	0,00%	-
- Ông Lê Hùng Cường	17,00%	26.775.000.000	0,00%	-
- Ông Lê Công Trường	17,00%	26.775.000.000	0,00%	-
	100%	157.500.000.000	100%	90.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
	<u>(81.028.259.098)</u>	<u>(79.801.320.249)</u>

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(79.801.320.249)	(79.965.600.960)
Lỗ/lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	(1.226.938.849)	164.280.711
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	<u>(81.028.259.098)</u>	<u>(79.801.320.249)</u>

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	157.500.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	67.500.000.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	157.500.000.000	90.000.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.750.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	15.750.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.750.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	31/12/2022	01/01/2022
Nợ khó đòi đã xử lý	900.000.000	900.000.000
Ngoại tệ các loại		
- USD	-	32,21

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

17 . THU NHẬP**a) Tiền lãi phát sinh từ HTM**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	183.185.618	-
	183.185.618	-

b) Doanh thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	40.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.751.875.000	4.449.000.000
	3.751.875.000	4.489.000.000

c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	-	147.229
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	-	147.229
Thu nhập thuần hoạt động khác	-	147.229

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.466.900	-
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>11.466.900</i>	<i>-</i>
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	39.410.786	1.806.641
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	91.996.575
	50.877.686	93.803.216

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.375.460.132	1.769.087.650
Chi phí vật tư văn phòng	5.122.989	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.706.228	5.744.448
Chi phí khấu hao TSCĐ	759.119.910	462.218.832
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.356.306.590	1.520.657.790
Chi phí khác	308.695.977	142.926.291
	4.815.411.826	3.905.635.011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	30.005.455	-
Các khoản khác	30.658.069	11.725.856
	60.663.524	11.725.856

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	125.975.415	-
Các khoản bị phạt	314.374.816	-
Các khoản khác	17.778.620	132.028.490
	458.128.851	132.028.490

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.226.938.849)	164.280.711
Các khoản điều chỉnh tăng	529.585.656	-
- Chi phí không hợp lệ	529.585.656	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(164.280.711)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(164.280.711)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(697.353.193)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.226.938.849)	164.280.711
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.226.938.849)	164.280.711
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.406.849	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(130)	18

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.424.897.378	-	-	22.424.897.378
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.500.000.000	-	-	44.500.000.000
Các khoản phải thu	45.349.315	-	-	45.349.315
	<u>66.970.246.693</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>66.970.246.693</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.797.981.838	-	-	3.797.981.838
Các khoản phải thu	2.400.532.192	-	-	2.400.532.192
	<u>6.198.514.030</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.198.514.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	579.067.112	-	-	579.067.112
Chi phí phải trả	141.000.000	-	-	141.000.000
	<u>720.067.112</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>720.067.112</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	7.840.000	-	-	7.840.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>7.840.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.840.000</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	Cổ đông lớn	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tạm ứng			
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 13/07/2022)	-	2.289.693.605
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 19/12/2022)	-	20.445.198

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Võ Trần Duy	Thành viên HĐQT (Từ ngày 12/07/2022)	-	-
Ông Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên HĐQT (Từ ngày 12/07/2022)	-	-
Ông Jia Minghui	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 13/07/2022)	-	200.000.000
Ông Li Zhiguo	Thành viên HĐQT (Đến ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đến ngày 13/07/2022)	-	200.000.000
Bà Nguyễn Lê Thúy	Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/09/2022)	157.544.381	-
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 19/12/2022)	361.948.071	525.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Đỗ Đức Thịnh	Trưởng ban BKS (Từ ngày 15/09/2022)	-	-
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên BKS (Từ ngày 15/09/2022)	-	-
Ông Lê Trường Hoài Gang	Thành viên BKS (Từ ngày 15/09/2022)	-	-
Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban BKS (Đến ngày 15/09/2022)	-	-
Bà Dương Thùy Trang	Thành viên BKS (Đến ngày 15/09/2022)	-	-
Bà Đặng Thị Hương Thảo	Thành viên BKS (Đến ngày 15/09/2022)	-	-